TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 102/2017/QĐST-HNGĐ	*Bà Rịa, ngày 31 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 286/2017/TLST – HNGĐ ngày 10/8/2017 về việc: "*Ly hôn, nuôi con chung"*giữa:

+ Nguyên đơn: Ông Nguyễn A, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 81K, tổ 6, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Bà Trần B, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 81K, tổ 6, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 5; 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn A và bà Trần B

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn A và bà Trần B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89, quyển số 1/2012 ngày 30/7/2012 của UBND xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực).

2.Về con chung: Ông Nguyễn A và bà Trần B có 02 con chung là Nguyễn C, sinh ngày 05/5/2014 và Nguyễn D, sinh ngày 25/12/2015 ông Nguyễn A, bà Trần B thỏa thuận giao cháu Nguyễn C, sinh ngày 05/5/2014 và Nguyễn D, sinh

ngày 25/12/2015cho bà Trần B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.500.000đ (1.750.000đ/tháng mỗi cháu). Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 08 năm 2017.

Kể từ ngày bà Trần B có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông Nguyễn A phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Ông Nguyễn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn A và bà Trần B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn A và bà Trần B xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:Ông Nguyễn A, bà Trần B mỗi người phải nộp là 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn A nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn A tự nguyện nộp thay án phí cho bà Trần B, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004554 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Như vậy, ông Nguyễn A đã nộp xong án phí.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPB;
- Chi cục THADS TPB;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.